

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2026/HS-ST

Ngày: 21/5/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Quốc Hưng và bà Trần Thị Độ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mai Huế - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 05 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lào Cai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2026/HSST ngày 01 tháng 04 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2026/QĐXXST-HS ngày 04/5/2026 đối với bị cáo:

Đặng Quang D, sinh ngày 08 tháng 11 năm 1996, tại tỉnh Lào Cai. Nơi ĐKTT và chỗ ở: Thôn H, xã V, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Thẻ CCCD số 015096006733; Giới tính: Nam; Con ông Đặng Văn H, sinh năm 1972; con bà Đào Thị T, sinh năm 1976; có vợ là: Nguyễn Hà L, sinh năm 2005; có 02 con, 01 con sinh năm 2017 (con riêng với vợ cũ Đinh Thị H1, sinh năm 1995, đã ly hôn); 01 con sinh tháng 3/2026 (là con với vợ hiện tại Nguyễn Hà L). Tiền án, tiền sự: Không;

Hiện đang tại ngoại tại thôn H, xã V, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Triệu Văn T1, sinh ngày 29/10/2009. Trú tại: Thôn A, xã K, tỉnh Lào Cai. Người đại diện hợp pháp của Triệu Văn T1 là anh Triệu Văn Ô, sinh năm 1987. Trú tại: Thôn A, xã K, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

+ Anh Vũ Quang L1, sinh năm 2000. Trú tại: Thôn Q, xã Q, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

+ Chị Lò Thị C, sinh năm 1998. Nơi ĐKTT: M, xã N, tỉnh Sơn La. Chỗ ở: Tổ dân phố Y, phường Y, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

+ Chị Lò Thị D1, sinh năm 2007. Nơi ĐKTT: M, xã N, tỉnh Sơn La. Chỗ ở: Tổ dân phố Y, phường Y, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

+ Anh Trần Quang T2, sinh năm 1986. Trú tại: Tổ dân phố T, phường V, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Quang D là nhân viên phục vụ, làm việc tại quán Bar P (cơ sở kinh doanh đồ uống và nghe nhạc) địa chỉ tại đường N, phường V, tỉnh Lào Cai. Khoảng 22 giờ 30 phút, ngày 18/12/2025 khi D đang làm việc tại đây thì Triệu Văn T1 (sinh ngày 29/10/2009, trú tại thôn A, xã K, tỉnh Lào Cai) và Vũ Quang L1 (sinh năm 2000, trú tại thôn Q, xã Q, tỉnh Lào Cai) đến quán chơi, nghe nhạc và sau đó cả hai đều nảy sinh ý định mua dâm nên đặt vấn đề với D tìm cho T1 và L1 hai gái bán dâm. D đồng ý và lấy số điện thoại của T1, L1 để liên lạc rồi bảo T1, L1 đến nhà nghỉ L2 (số A, đường H, phường Y, tỉnh Lào Cai) để thuê phòng nghỉ và đợi gái bán dâm đến. Tuy nhiên, T1 và L1 không thuê phòng theo địa chỉ D bảo mà đến liên hệ với Trần Quang T2 là người sở hữu, quản lý hợp pháp của Khách sạn P1 thuộc tổ dân phố T, phường V, tỉnh Lào Cai để thuê 02 phòng nghỉ, số 305 và số 505. Sau đó, D sử dụng tài khoản mạng xã hội Zalo, đăng ký bằng số điện thoại 0395188279 của D gọi điện thoại và nhắn tin qua zalo để liên hệ, môi giới, dẫn dắt cho Lò Thị C và Lò Thị D1 cùng đi bán dâm cho T1 và L1. Do trước đó C và D1 đã đặt vấn đề với D khi nào có khách có nhu cầu mua dâm thì liên hệ, nên khi D liên hệ C và D1 đều đồng ý đi bán dâm cho T1 và L1. D thống nhất với C và D1 thu tiền mua dâm của T1 và L1 mỗi người 1.000.000 đồng cho một lần bán dâm và phải trả công cho D số tiền 500.000 đồng/01 lần/ 01 người tiền môi giới. Sau đó, D lấy số điện thoại của L1, T1 cho C, D1 để trao đổi liên lạc thực hiện việc mua bán dâm.

Sau khi thống nhất địa điểm tại khách sạn P1 có địa chỉ nêu trên, khoảng 23 giờ cùng ngày C và D1 cùng đến khách sạn P1 để gặp T1 và L1. Đến nơi, C vào phòng 305 của khách sạn thực hiện hành vi bán dâm (quan hệ tình dục có sử dụng bao cao su) cho L1, còn D1 cũng vào phòng 505 của khách sạn thực hiện hành vi bán dâm cho T1. Sau khi thực hiện hành vi mua bán dâm xong, Chuyện thu của L1 số tiền mua dâm là 1.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản và ngay sau đó sử dụng tài khoản ngân hàng T3 số tài khoản 26619981994 mang

tên Lò Thị C chuyển số tiền 500.000 đồng đến số tài khoản 0395188279 mang tên Đặng Quang D, trả tiền công D môi giới cho Chuyện bán dâm cho L1. Còn D1 thu của T1 số tiền 1.000.000 đồng tiền mặt (gồm 02 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng), nhưng D1 chưa kịp trả tiền công môi giới mại dâm cho D thì khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, Phòng C1 Công an tỉnh L kiểm tra khách sạn, phát hiện và tiến hành lập biên bản làm việc với T1, L1, C, D1; thu giữ tài sản, đồ vật có liên quan.

Quá trình điều tra xác định, tại thời điểm thực hiện hành vi mua dâm Triệu Văn T1 được 16 tuổi 01 tháng 20 ngày. Số tiền Đặng Quang D sẽ thu lợi bất chính trong quá trình môi giới mại dâm cho Triệu Văn T1 và Lò Thị D1, Vũ Quang L1 và Lò Thị C là 1.000.000 đồng (thực tế số tiền D đã được nhận là 500.000 đồng).

Tại Bản kết luận giám định số: 44/KL-KTHS ngày 14/01/2026 của Phòng C1 Công an tỉnh L kết luận đối với số tiền 1.000.000 đồng thu giữ khi kiểm tra phòng 305 là: 02 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng gửi giám định đều là tiền thật.

Bản cáo trạng số 09/CT-VKS-KV1 ngày 01/04/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lào Cai đã truy tố Đặng Quang D về tội “Môi giới mại dâm” quy định tại điểm a, đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Lào Cai luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX:

- Về tội danh: Tuyên bố Đặng Quang D phạm tội “Môi giới mại dâm”.
- Về hình phạt: Áp dụng điểm a, đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Đặng Quang D 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Lào Cai giám sát, giáo dục.
- Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 46; 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 BLTTHS: Đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 1.000.000 đồng thu giữ của Lò Thị D1; số tiền 500.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 promax màu hồng, đã qua sử dụng thu giữ của Đặng Quang D; 500.000 đồng thu giữ của Lò Thị C do đây là tiền, công cụ, phương tiện do phạm tội mà có; tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su đã qua sử dụng.
- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận thức được hành vi do bản thân thực hiện là vi phạm pháp luật, thành khẩn khai báo, không có tranh luận gì với ý kiến của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L, Điều tra viên, Viện kiểm sát dân khu vực 1, tỉnh Lào Cai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người đại diện hợp pháp của Triệu Văn T1 vắng mặt, nhưng đều có đầy đủ lời khai trong hồ sơ, việc vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292 BLTTHS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, Đặng Quang D thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, vật chứng thu giữ, phù hợp với nội dung bản Kết luận điều tra, Cáo trạng nên có đủ cơ sở để kết luận:

Ngày 18/12/2025, Đặng Quang D đã có hành vi làm trung gian, môi giới để Lò Thị C bán dâm cho Vũ Quang L1, Lò Thị D1 bán dâm cho Triệu Văn T1, tại phòng 305 và 505 khách sạn P1, thuộc tổ dân phố T, phường V, tỉnh Lào Cai với giá 1000.000 đồng/ 01 lần bán dâm, theo thỏa thuận D được hưởng 500.000 đồng/1 lần môi giới, tổng số tiền hưởng lợi do môi giới là 1.000.000 đồng (của 02 người bán dâm), thực tế D đã nhận 500.000 đồng do Chuyển chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của D, còn D1 chưa kịp thanh toán tiền môi giới cho D thì bị phát hiện. Hành vi do Đặng Quang D thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Môi giới mại dâm”, tội danh và hình phạt được quy định điểm a, đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lào Cai truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn nêu trên là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến chính sách quản lý Nhà nước về phòng chống tệ nạn mại dâm mà còn làm ảnh hưởng đến đạo đức, thuần phong mỹ tục, văn hóa của dân tộc, là nguyên nhân gây ra nhiều căn bệnh nguy hiểm cho xã hội. Do đó, cần phải đưa bị cáo ra xử lý trước pháp luật.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, giai đoạn truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; toàn bộ số tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có, D đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra; ngoài ra Đặng Quang D còn được Công an phường V, tỉnh Lào Cai xác nhận, biểu dương về hành vi người tốt, việc tốt, cụ thể ngày 04/01/2026 D nhận được tài sản trả lại cho chủ sở hữu (bị cáo đã trả lại cho chủ sở hữu số tiền là 7.500.000 đồng, giấy tờ tùy thân cùng đồ vật khác), đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2, khoản 10 Điều 3 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, H2 dẫn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Hình sự, nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và các tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 BLHS.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về nhân thân: Bị cáo chưa từng bị kết án.

Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, HĐXX thấy:

Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người công dân tại nơi cư trú; có nhiều tình tiết giảm nhẹ (trong đó có 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 và 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS), không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Mặt khác bị cáo đang phải nuôi 02 con nhỏ (01 con sinh năm 2017, là con của bị cáo với vợ cũ đã ly hôn và 01 con chung với vợ hiện tại, sinh tháng 03 năm 2026); con sinh năm 2017, sau khi ly hôn bị cáo là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do đó, HĐXX cân nhắc, vận dụng cho bị cáo được hưởng mức hình phạt quy định ở đầu khung của khoản 2 Điều 328 BLHS. Xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù, có thể cho bị cáo được hưởng án treo, để bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương cũng đủ tác dụng

giáo dục, răn đe mà không gây nguy hại cho xã hội, đồng thời thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật Nhà nước đối với người phạm tội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người lao động tự do, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[6] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ của Đặng Quang D số tiền 500.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 promax màu hồng; thu giữ của Lò Thị C 500.000 đồng và 1.000.000 đồng của Lò Thị D1. Đối với điện thoại di động là công cụ, phương tiện bị cáo D sử dụng vào việc phạm tội; các khoản tiền thu giữ của các đối tượng trong vụ án là tiền do phạm tội mà có, nên đều bị tịch thu nộp Ngân sách nhà nước. Đối với 02 (hai) bao cao su đã qua sử dụng, thu giữ tại phòng 305, 505 của khách sạn P1, là vật không có giá trị sử dụng nên bị tịch thu tiêu hủy.

[7] Về hành vi của các đối tượng có liên quan:

- Đối với hành vi bán dâm của Lò Thị C và Lò Thị D1: Ngày 09/3/2026, Phòng C1 Công an tỉnh L đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0004024/QĐ-XPHC đối với Lò Thị C và số 0004022/QĐ-XPHC đối với Lò Thị D1 về hành vi nêu trên với mức phạt 400.000 đồng là đúng pháp luật, C và D1 đã nộp tiền phạt.

- Đối với hành vi mua dâm của Vũ Quang L1 và Triệu Văn T1: Ngày 09/3/2026, Phòng C1 Công an tỉnh L đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0004019/QĐ-XPHC đối với Triệu Văn T1 với mức phạt 750.000 đồng và số 0004023/QĐ-XPHC đối với Vũ Quang L1 về hành vi nêu trên với mức phạt 1.500.000 đồng là đúng pháp luật, T1 và L1 đã nộp tiền phạt.

- Đối Trần Quang Trung: Vừa là chủ sở hữu, quản lý, vừa là lễ tân của Khách sạn P1, ngày 18/12/2025, khi cho T1 và L1 thuê phòng nghỉ Trần Quang T2 đã “Không thực hiện đầy đủ quá trình kiểm tra, lưu trữ thông tin khách đến lưu trú, người đến thăm khách lưu trú theo quy định của pháp luật” đã vi phạm vào điểm v khoản 3 Điều 15 Nghị định 282/2025/NĐ-CP ngày 30/10/2025 của Chính phủ quy định: Xử phạt hành chính trong lĩnh vực An ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng chống tệ nạn xã hội; phòng, chống bạo lực gia đình. Ngày 31/3/2026, Phòng C1 Công an tỉnh L đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0016595/QĐ-XPHC đối với Trần Quang T2 về hành vi nêu trên với mức phạt 7.500.000 đồng là đúng pháp luật, T2 đã nộp tiền phạt. Đối với hành vi môi giới mại dâm của D và hành vi mua bán dâm của T1, L1, C, D1, T2 không biết, không được hưởng lợi gì nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L không xem xét xử lý là phù hợp.

[8] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết nội dung vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố Đặng Quang D phạm tội: “Môi giới mại dâm”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a, đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), xử phạt Đặng Quang D **03 (Ba)** năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Lào Cai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Lào Cai trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 1.000.000 đồng thu giữ của Lò Thị D1; số tiền 500.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 promax màu hồng thu giữ của Đặng Quang D; 500.000 đồng thu giữ của Lò Thị C; tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su đã qua sử dụng.

(Các vật chứng nêu trên có đặc điểm như mô tả tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản giữa Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1, tỉnh Lào Cai với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L ngày 09/4/2026).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Đặng Quang D phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 BLTTHS: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKS tỉnh Lào Cai;
- VKSND Khu vực 1 - Lào Cai;
- CQCSĐTCAT.Lào Cai;
- Bị cáo (tại ngoại);
- Người có quyền lợi, NVLQ (05);
- THADS tỉnh Lào Cai (1);
- Hồ sơ NVCAT Lào Cai;
- THA phạt tù (2);
- Lưu HS, TA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thị Thủy